

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 136/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 14/8/2020  
V/v: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Tính và bà Triệu Thị Tình

*-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện C.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX-ST, ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1999 .

Nơi cư trú: Phố Cao N, TT Ngọc L, huyện L, Thanh Hóa. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Hà Văn T, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn Trung Đ, xã Cẩm Ch, huyện C, Thanh Hóa

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2020 và bản tự khai nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh T chung sống với nhau từ ngày 21/5/2016. Đến ngày 12/01/2018 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Ch, huyện C, Thanh Hóa. Hôn nhân tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng với gia đình nhà chồng. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc chỉ được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Đến ngày 01/8/2018 thì mâu thuẫn trở nên gay gắt hơn. Nguyên nhân là do anh T hay rượu chè, cờ bạc bê tha, rồi đánh đập chị rất nhiều lần. Mâu

thuần xảy ra nếu không có anh em, hàng xóm thì chị không còn sống đến hôm nay. Chị phải về nhà mẹ đẻ để sống (Lúc này chị đang mang bầu con thứ hai). Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2018 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Bị đơn anh Hà Văn T trình bày: Anh và chị L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Ch, huyện C. Trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến ngày 03/6/2018 (âm lịch) anh đi làm về, chiều ngày 04/6/2018 anh đi ăn cơm với bạn bè. Sáng ngày 05/6/2018, anh đi làm chị L còn gấp quần áo. Nhưng khi anh vừa đến chỗ làm thì nghe gia đình báo tin chị L uống thuốc diệt cỏ. Anh đã về chăm sóc chị ở bệnh viện, chị L khỏi bệnh thì về bên nhà ngoại luôn. Từ đó, chị L không về nhà nữa, cũng không về thăm con dù con đang còn nhỏ. Anh và chị không gặp nhau, thỉnh thoảng anh cũng gọi điện động viên nhưng chị L không về. Bản thân anh không bỏ chị L, nhưng chị bỏ đi đã lâu, cuộc sống không có hạnh phúc. Nay chị L làm đơn ly hôn anh cũng phải chấp nhận đồng ý ly hôn. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Hà Thị Bảo Ch, sinh ngày 13/4/2017 và Hà Thị Bảo T, sinh ngày 17/9/2018. Hiện nay, cháu Bảo T đang ở với chị, cháu Bảo Ch ở với anh T. Chị L có nguyện vọng được nuôi con Hà Thị Bảo T. Anh T có nguyện vọng nuôi con Hà Thị Bảo Ch.

Về tài sản: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, điều 58 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Lan ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Hà Thị Bảo Ch, sinh ngày 13/4/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Giao cháu Hà Thị Bảo T, sinh ngày 17/9/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên.

Về tài sản, công nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí DSST.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phạm Thị L làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Hà Văn T trú tại: Thôn Trung Đ, xã Cẩm Ch, huyện C, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Ch, huyện C, Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là anh T rượu chè, cờ bạc và hay đánh đập chị. Chị và anh đã ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của chị L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51 và điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung Hà Thị Bảo Ch, sinh ngày 13/4/2017 và Hà Thị Bảo T, sinh ngày 17/9/2018.

Xét nguyện vọng nuôi con của anh chị là chính đáng. Do đó, giao cháu Hà Thị Bảo Ch cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Giao cháu Hà Thị Bảo T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82 và điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị L. Xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Hà Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Thị Bảo Ch, sinh ngày 13/4/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Giao cháu Hà Thị Bảo T, sinh ngày 17/9/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị L và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003280, ngày 27/5/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự.
- VKSND huyện C.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện C.
- UBND xã Cẩm Ch.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Ánh Tuyết**







